

18. XÃ XUÂN QUANG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Quốc lộ 70			
1.1	Đoạn QL70 từ ngã ba đường Làng Cung đi xã Phong Hải 100m, đi về phía Hà Nội 200m	1.200	720	600
1.2	Từ cổng đường đôi vào nhà máy Quế Hôi đi về phía xã Phong Hải 400m, đi về phía Hà Nội 400m	2.000	1.200	1.000
1.3	Đoạn từ ngã tư đường nối QL 70 đi Hà Nội đến cách Km 36+200, đi Lào Cai 400m	2.000	1.200	1.000
1.4	Từ ngã ba Km36 đi về phía Hà Nội 200m, đi về phía Lào Cai 200m, đi về phía thôn Phìn Giàng xã Bảo Nhai 50m	2.000	1.200	1.000
1.5	Đoạn từ ngã ba km36 200m đến đoạn ngõ nhà ông Ổn	1.000	600	500
1.6	Từ ngõ vào nhà ông Ổn đến Doanh nghiệp Đức Mạnh	2.000	1.200	1.000
1.7	Từ Doanh nghiệp Đức Mạnh đến ngã ba Bắc Ngâm	3.500	2.100	1.750
1.8	Từ ngã ba Bắc Ngâm đến hết đất nhà ông Cối	3.500	2.100	1.750
1.9	Từ hết đất nhà ông Cối đến doanh nghiệp Phùng Hà	2.000	1.200	1.000
1.10	Từ Doanh nghiệp Phùng Hà đi Hà Nội đến cầu Km46	1.600	960	800
1.11	Các vị trí còn lại trên trục đường QL 70	700	420	350

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
2	Quốc lộ 4E			
2.1	Ngã 3 Km5 (đi xã Bảo Thắng 50m, đi Bắc Ngầm 200m; đi xã Trì Quang cũ 50m)	2.000	1.200	1.000
2.2	Từ cách ngã ba Km5 200 mét (hướng đi Bắc Ngầm) đến cách ngã ba Km6 200 mét (hướng đi xã Bảo Thắng)	1.500	900	750
2.3	Ngã 3 Km6 (đi xã Bảo Thắng 200m, đi Bắc Ngầm 200m, đi trung tâm giáo dục lao động xã hội 50m)	4.000	2.400	2.000
2.4	Các vị trí còn lại trên trục đường QL 4E	700	420	350
2.5	Từ nhà ông Vui đến nhà ông Việt Hằng	2.500	1.500	1.250
2.6	Từ nhà ông Việt Hằng đến ngã ba Bắc Ngầm	3.510	2.110	1.760
3	Tỉnh lộ 154			
3.1	Từ QL 70 sau 50m đến Ngã ba đi thôn Cốc Sâm 2	400	240	200
3.2	TL 154 đoạn từ Ngã ba đi Cốc Sâm 2 đến địa phận xã Bảo Nhai	200	120	100
4	Đường vào nhà máy xi măng Vinafuji			
4.1	Đường vào nhà máy quế hồi	1.500	900	750
5	Đường đi Bảo Nhai			
5.1	Đoạn từ QL 70 đến giáp địa phận xã Bảo Nhai	1.800	1.080	900

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
6	Đường T1, T2, hạ tầng chợ Phong Niên	1.800	1.080	900
7	Đường Làng Giàng đi QL 70			
7.1	Đoạn từ ngã tư đường nối QL 70 đi xã Bảo Thắng đến 800m (Theo ranh giới QH chi tiết)	1.800	1.080	900
7.2	Từ cách Quốc QL70 800m đi xã Bảo Thắng đến cầu thôn Làng Cung 1	700	420	350
7.3	Đoạn từ cầu thôn Làng Cung 1 đến giáp đất xã Bảo Thắng	500	300	250
8	Đường đầu nối QL 70 và quốc lộ 4E (nhánh 1)			
8.1	Từ quốc lộ 4E đến quốc lộ 70	3.000	1.800	1.500
9	Đường đầu nối QL 70 và quốc lộ 4E (nhánh 2)			
9.1	Từ quốc lộ 4E đến quốc lộ 70	3.500	2.100	1.750
10	Khu vực cổng chợ Bắc Ngâm			
10.1	Đoạn điểm đầu QL70 đi vào phía trong chợ Bắc Ngâm	2.500	1.500	1.250
11	Đường Cốc Sầm 1, 2			
11.1	Từ cổng nhà máy quế hồi đến tỉnh lộ 154	300	180	150
11.2	Đoạn từ chợ Phong Niên cũ đến đường bê tông vào xóm ông Chảo	500	300	250
12	Đường vào trạm điện 500KW			
12.1	Từ QL 70 vào 300m	600	360	300

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
12.2	Từ cách QL 70 vào 300m đến trạm điện 50kw	400	240	200
13	Đoạn từ Trụ sở UBND xã Trì Quang cũ đi Quốc Lộ 4E đến Nghĩa trang nhân dân thôn Tiến Lập (Nhà ông Ưu)	400	240	200
14	Đoạn từ ngã 3 thôn Tiến Lập đến ngõ nhà ông Tám Hán thôn Quang Lập	200	120	100
15	Đoạn từ ngã 3 đường Bê tông thôn Quang Lập (đối diện cổng trường chính MN Sao Mai) đến phân hiệu trường mầm non Sao Mai thôn Làng Mạ	150	90	80
16	Trạm Y tế xã Trì Quang cũ đến đầu cầu Trì Thượng	300	180	150
17	Từ cầu Trì Thượng đến trạm biến áp số 4	200	120	100
18	Từ cầu thôn Nhò Trong đối diện nhà ông Loát đi thôn Làng Ỉn đến giáp xã Bảo Hà	200	120	100
19	Các tuyến đường khu hạ tầng chợ Trì Quang (cũ)	500	300	250
21	Đường kết nối ga Phố Mới - ga Bảo Hà (Tỉnh lộ 161)			
21.1	Đoạn từ giáp đất xã Bảo Hà đi đến đầu cầu thôn Cầu Nhò	400	240	200
21.2	Đoạn từ đầu cầu thôn Cầu Nhò đến hết đất nhà ông bà Nguyễn Hương (đường bê tông)	2.000	1.200	1.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
21.3	Đoạn từ hết đất nhà ông bà Nguyễn Hương (đường bê tông) đến giáp xã Bảo Thắng	700	420	350
22	Đường An Thành, Khe Tắm			
22.1	Đoạn từ UBND xã Tri Quang cũ đến thôn Khe Tắm xã Bảo Thắng	250	150	130
23	Đất ở có ngõ nối trực tiếp với QL-70 và QL-4E (cách mép đường QL 70, 4E từ trên 40m đến 100m)	200	120	100
24	Cách ngã ba Km5 (QL4E) 50m đến Nghĩa trang nhân dân thôn Tiến Lập (Nhà ông Ưu)	350	210	180
25	Tỉnh lộ 157 đoạn từ cách ngã 3 Km6 (QL 4E) 50m đến trung tâm lao động xã hội	300	180	150
26	Tỉnh Lộ 157 đoạn Từ trung tâm lao động xã hội đến giáp đất xã Bảo Thắng	250	150	130
27	Từ Quốc lộ 4E vào thôn Làng Gạo đến Nhà văn hóa thôn Làng Gạo	200	120	100
28	Đường liên thôn từ cách Quốc lộ 70 300m (thôn Na Ó) đi qua thôn Xuân Quang 2 và thôn Nậm Cút đến cách Quốc lộ 70 300m (thôn Thái Vô)	200	120	100
29	Khu TĐC Gốc Mít	160	100	80
30	Đường Làng My - Đồng Ân			
30.1	Từ cổng chào thôn Làng My đến giáp đất xã Bảo Thắng	200	120	100

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
31	Đường nối từ đường T1 (xã Phong Niên cũ) đến đường vào nhà máy quế hồi	2.000	1.200	1.000
32	Đường vào Làng Cung từ QL70 đi vào 50m			
32.1	Đoạn từ cách QL70 50m đến đường Làng Giàng đi Quốc Lộ 70	200	120	100
32.2	Đường vào Làng Cung từ QL70 đi vào 50m	200	120	100
33	Đường Tân Phong Mom Đào			
33.1	Từ đường Làng Giàng đi Quốc Lộ 70 đến thôn Mom Đào xã Bảo Thắng	200	120	100
34	Đường từ QL70 đi thôn Làng Trảng, xã Cốc Lầu			
34.1	Đường từ QL70 đi thôn Làng Trảng, xã Cốc Lầu	200	120	100
35	Đường từ QL70 (thôn An Hồ) đi QL 4E (Thôn Gốc Mít)			
35.1	Đường từ QL70 (thôn An Hồ) đi QL 4E (Thôn Gốc Mít)	200	120	100
36	Đường từ QL70 (thôn Xả Hồ) đi QL 4E (Thôn Hốc Đá)			
36.1	Đường từ QL70 (thôn Xả Hồ) đi QL 4E (Thôn Hốc Đá)	200	120	100
37	Đường bê tông từ thôn Làng Lân đi Cốc Mần			
37.1	Từ nhà ông Xuất (thôn Làng Lân) đến nhà ông Truy (thôn Cốc Mần)	160	100	80

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
38	Đường vào thôn Làng Lân			
38.1	Từ Quốc Lộ 70 đến nhà ông Tăng (thôn Làng Lân)	160	100	80
39	Đường giao thôn thôn Nậm Cút			
39.1	Đoạn Từ nhà ông Khái đến nhà ông Tám và đoạn từ nhà ông bà Nhuận Thúy đến nhà ông bà Hải Tươi	160	100	80
40	Đường bê tông từ thôn Làng Bạc đi thôn Làng My			
40.1	Từ Quốc Lộ 4E đến nhà ông bà Sơn Nguyệt	185	110	90
41	Các tuyến đường giao thông nông thôn còn lại được đấu nối trực tiếp với Quốc lộ 70 và Quốc lộ 4E đã được đổ bê tông có mặt đường bê tông từ 03 mét trở lên			
41.1	Từ Quốc lộ 70 hoặc Quốc lộ 4E vào đến 300m	185	110	90
41.2	Từ cách Quốc lộ 70 hoặc Quốc lộ 4E 300m đến 600m	160	100	80
42	Các tuyến đường khác còn lại	135	80	70